

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/HS-ST

Ngày 16-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Tùng.

Ông Phùng Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1015/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Bùi Thành Đ, sinh ngày 27/8/2000, tại tỉnh TH; số căn cước công dân: 038200005395; nơi cư trú: Thôn TP, xã KT, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N và bà Lê Thị L; vợ: Nguyễn Thị Minh N; con: Có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Yên Định (cơ sở 2) – Công an tỉnh TH (có mặt tại phiên tòa).

2. Bùi Đông D, sinh ngày 24/9/1994, tại xã KT, tỉnh TH; số căn cước công dân: 038094038203; nơi cư trú: Thôn TP, xã KT, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh H và bà Bùi Thị K; vợ: Bùi Thị Ngọc H; con: có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Yên Định (cơ sở 2) – Công an tỉnh TH (có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Văn T, sinh ngày 21/9/1990, tại xã KT, tỉnh TH; số căn cước công dân: 038090027759; nơi cư trú: Thôn TP, xã KT, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị H; vợ con chưa có.

Tiền án: Ngày 22/9/2023 bị Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH (nay là TAND khu vực 10 – TH) xử phạt 30 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy), theo bản án số: 30/2023/HSST, ngày 16/4/2025 chấp hành xong hình phạt tù và phần quyết định của Bản án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Tiền sự: Không

Nhân nhân:

- Ngày 21/7/2022 bị Công an huyện NL, tỉnh TH (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số: 33240/QĐ-XPHC (đã hết thời hiệu).

- Ngày 10/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh TH (nay là TAND khu vực 8 – TH) xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số: 38/2018/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và phần quyết định của Bản án.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Yên Định (cơ sở 2) – Công an tỉnh TH (có mặt tại phiên tòa).

4. Phạm Thúc H, sinh ngày: 01/3/2003, tại tỉnh TH; số căn cước công dân: 038203000530; nơi cư trú: Thôn MT, xã MS, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thúc T và bà Trương Thị H; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Yên Định (cơ sở 2) – Công an tỉnh TH (có mặt tại phiên tòa).

5. Phạm Thái S, sinh ngày: 07/5/2005, tại tỉnh TH; số căn cước công dân: 038205022089; nơi cư trú: Làng S, xã KT, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị M; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Yên Định (cơ sở 2) – Công an tỉnh TH (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/8/2025, Bùi Thành Đ, Bùi Văn T, Bùi Đông D cùng nhau ăn uống tại quán thịt chó GL ở thôn TP, xã KT, tỉnh TH. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn uống xong Đ, T, D ra bàn ngồi uống nước, Đ rủ D và T góp tiền mua ma túy, loại hồng phiến để sử dụng, Đ nói hiện mình đang có 660.000 đồng, D và T nói hiện tại không còn tiền, sau đó T đi về. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ gọi cho Phạm Thúc H hỏi xin số điện thoại của người bán ma túy, đồng thời rủ H góp tiền mua ma túy về sử dụng, H đồng ý. Đạt gửi số tài khoản Vietcombank số 1055690171 của mình cho H chuyển khoản, sau đó H dùng tài khoản Vietcombank số 9974674003 của mình chuyển 300.000 đồng cho Đ và gửi số điện thoại 0865961595 của người bán ma túy cho Đ. Nhận được số điện thoại của người bán ma túy, Đ rủ và chở D đi mua ma túy để sử dụng cùng, trên đường đi đến ngã ba thôn TP, xã KT, tỉnh TH thì gặp T, lúc này T đưa cho Đ số tiền 250.000 đồng để góp tiền mua ma túy. Đ và D tiếp tục cùng nhau đi mua ma túy, còn T đi đến quán nước ở thôn BS, xã KT ngồi chờ. Trong lúc ngồi uống nước, T gọi Phạm Thái S ra uống nước cùng.

Đ sử dụng số điện thoại 0879.071.666 của mình gọi điện đến số 0865961595 hỏi mua ma túy nhưng không có ai nghe máy. Một lúc sau, số điện thoại 0865961595 gọi điện lại, Đ nghe máy và hỏi có ma túy hồng phiến bán cho Đ không. Người này trả lời có và hỏi mua bao nhiêu thì Đ nói có 1.210.000 đồng được bao nhiêu thì được. Người này đồng ý bán và hẹn Đ đi đến đường HCM thuộc khu vực làng G, xã MS, tỉnh TH để giao ma túy. Đ và D đến điểm hẹn nhưng do điện thoại của mình hết pin nên Đ lấy điện thoại của D gọi cho người bán ma túy. Lát sau thấy có một người đàn ông đi bộ đến gặp Đ và hỏi “lấy à”. Đ biết là người bán ma túy, nên nói chuyện với nhau thì người này tự giới thiệu tên N (do trời tối nên Đ không nhìn rõ mặt). Đ đưa cho N 1.210.000 đồng, N cầm tiền và đưa cho Đ 01 gói ma túy, được gói bên ngoài bằng giấy bạc, bên trong có các viên ma túy loại hồng phiến màu đỏ, Đ không kiểm đếm nên không biết rõ là bao nhiêu viên.

Sau khi mua được ma túy, Đ cùng D đi về cổng chào thôn XT, xã KT, tỉnh TH thì gặp H, nên Đ nói với H “đây rồi” (tức đã có ma túy), nghe vậy nên H đi theo. Trên đường đi, Đ vào quán tạp hóa mua 01 cuộn giấy bạc và 02 chai nước, gồm: 01 chai Sting và 01 chai nước khoáng, mục đích để làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, D hỏi Đ chơi ở đâu (tức sử dụng ma túy ở đâu), Đ bảo xuống nghĩa trang cây M mà chơi, nên D gọi điện cho T bảo “xuống nghĩa địa đi làm tý”, (tức sử dụng ma túy). T đồng ý và rủ thêm Phạm Thái S cùng đi, S đồng ý và dùng xe mô tô của mình chở T đi đến nghĩa trang thôn TP, xã KT để sử dụng ma túy. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày Đ, D, H đi vào bãi đất trống ở nghĩa trang cây M, thôn TP và cùng ngồi quây lại với nhau. Đ lấy chai Sting đổ hết nước bên trong, đưa vỏ chai và bật lửa cho D để làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy, D dùng bật

lửa châm điều thuốc lá hút, rồi dùng điều thuốc châm đục lỗ trên thân chai nhựa Sting. Lúc này Đ hỏi H đưa cho tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng và cuộn tròn lại làm ống hút, rồi đưa cho D gắn vào thân chai Sting làm nỏ hút. Chế xong bộ dụng cụ, D mở chai nước lọc đổ một phần nước vào chai Sting, còn Đ lấy tờ giấy bạc đưa cho D xé nhỏ thành nhiều mảnh, Đ lấy các viên ma túy bỏ vào các mảnh giấy bạc đã xé sẵn và đưa cho D 01 viên hồng phiến châm (đốt) cho Đ, H và D sử dụng. Khi T và S đi đến thấy H, Đ, D đang sử dụng ma túy nên T và S ngồi xuống cùng sử dụng. Thấy đông người nên T lấy chai nhựa, dùng điều thuốc lá đang hút đục lỗ, còn H đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng để T cuộn tròn lại đút vào thân chai làm ống hút. Làm xong bộ dụng cụ, T châm cho H, S và T sử dụng ma túy, còn D châm cho Đ sử dụng. Trong quá trình sử dụng ma túy thì bật lửa hết ga, nên S lấy ra 01 bật lửa đưa cho D tiếp tục châm ma túy cho Đ, Đ, T, H và S sử dụng. Sử dụng hết ma túy, các bị cáo để lại bộ dụng cụ sử dụng ma túy tại nghĩa trang và đi về. Đến ngày 21/8/2025, H đến công an xã MS, tỉnh TH đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình, sáng ngày 22/8/2025, các bị cáo Đ, D, T, S đến Công an xã MS, tỉnh TH đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình

* Kết luận giám định số 3240/KL-KTHS ngày 3/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh TH kết luận: Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Phạm Thúc H, Bùi Đông D, Phạm Thái S, Bùi Thành Đ, Bùi Văn T gửi đến giám định.

* Kết luận giám định số 3158/KL-KTHS, ngày 27/8/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh TH kết luận: Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine bám dính trên chai nhựa và tờ tiền của túi hồ sơ cư trú ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định. Không xác định được khối lượng chất ma túy. Chất màu đỏ bám dính trên bề mặt 03 mẫu giấy bạc được xé nhỏ của phong bì ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 chai nhựa không có nắp, phần thân chai được đục thủng 01 lỗ và cắm 01 tờ tiền lên trên thân chai của túi hồ sơ cư trú ký hiệu M1; 03 mẫu giấy bạc được xé nhỏ của phong bì ký hiệu M2. Tất cả được đựng trong 01 túi niêm phong mẫu vật mã số PS2A 073649 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH, bên trong đựng các vật chứng của vụ án và 05 điện thoại thu giữ của các bị cáo, đã chuyển đến Kho vật chứng của Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – TH, để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSKV10 ngày 14/ 4/ 2026. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH đã truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Bùi Thành Đ, Bùi Đông D, Bùi Văn T, Phạm Thúc H, Phạm Thái S phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 (đối với bị cáo Bùi Văn T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS) đề nghị xử phạt:

+ Bùi Thành Đ và Bùi Văn T, mỗi bị cáo từ 8 năm đến 8 năm 3 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

+ Bùi Đông D, Phạm Thúc H, mỗi bị cáo từ 7 năm 8 tháng đến 7 năm 11 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

+ Phạm Thái S từ 7 năm 05 tháng đến 7 năm 8 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2025.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, việc áp dụng hình phạt bổ sung không có khả năng thi hành, nên đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa không có nắp, phần thân chai nhựa được đục thủng 01 lỗ của túi hồ sơ cư trú kí hiệu M1; 03 mẫu giấy bạc được xé nhỏ của phong bì kí hiệu M2. Tất cả được đựng trong 01 túi niêm phong mẫu vật mã số PS2A 073649, được dán kín. Tịch thu sung công quỹ: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 05 điện thoại thu giữ của các bị cáo.

Về án phí: Áp dụng điều 135; 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/8/2025 tại khu

vực nghĩa trang thôn TP, xã KT, tỉnh Thanh Hoá. Bùi Thành Đ, Bùi Đông D, Bùi Văn T, Phạm Thúc H, Phạm Thái S đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể: Đạt là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, sử dụng 660.000 đồng và rủ rê các bị cáo D, T, H góp thêm tiền mua ma túy, trực tiếp đi mua và chuẩn bị dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. D cùng Đ đi mua ma túy, làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy, đốt (châm) ma túy và cùng với Đ, H sử dụng. T góp 250.000 đồng mua ma túy, rủ S đi cùng sử dụng ma túy, chế thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy, châm ma túy và cùng với H, S sử dụng. H góp 300.000 đồng mua ma túy, cung cấp số điện thoại để Đ liên hệ đi mua ma túy, lấy ra 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng để làm dụng cụ sử dụng ma túy. S chở T đến nghĩa trang để sử dụng ma túy, cung cấp bật lửa để D châm ma túy cho D, Đ, T, H, S cùng sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt phạt tù 07 năm đến 15 năm. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và sự an toàn của xã hội.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu của bản thân.

- Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Bùi Thành Đ là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội không có sự tổ chức cấu kết chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ giữ vai trò chính, các bị cáo còn lại tham gia với vai trò giúp sức và phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo và tự giác ra đầu thú. Bị cáo Bùi Thành Đ có ông nội là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Bị cáo Bùi Đông D có ông nội, bà nội là người có công với Cách mạng, được thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất, cha đẻ được tặng kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh tổ quốc”. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu, các bị cáo còn lại chưa có tiền án, tiền sự, nhưng các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy và phạm tội rất nghiêm trọng, nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ

điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Trong vụ án này bị cáo Đ giữ vai trò chính, lần lượt đến các bị cáo D, H, T và S. Tuy nhiên bị cáo T có tiền án và có nhân thân, nên áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T tương đương bị cáo Đ là phù hợp, bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo H, nên áp dụng mức hình phạt D và H ngang nhau, bị cáo S tham gia với vai trò thấp nhất, nên áp dụng mức hình phạt thấp hơn bị cáo D và H là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy, các bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chai nhựa được đục thủng 01 lỗ và cắm 01 tờ tiền lên trên thân chai nhựa của túi hồ sơ cư trú kí hiệu M1; 03 mẫu giấy bạc được xé nhỏ của phong bì kí hiệu M2. Tất cả được đựng trong 01 túi niêm phong mẫu vật mã số PS2A 073649 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 05 điện thoại thu giữ của các bị cáo, đây là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đ, Cơ quan điều tra không xác định được, nên không có căn cứ để xử lý. Đối với số điện thoại 0865961595: Bị cáo H khai báo có một người nam giới nói với H nếu cần mua ma túy hồng phiến thì liên hệ vào số điện thoại 0865961595. H không biết người này là ai, tên gì, nhà ở đâu và chưa gọi số điện thoại 0865961595 lần nào. Tiến hành xác minh số thuê bao 0865961595, xác định chủ thuê bao tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 02/11/1967, trú tại Thôn TC, xã LV, tỉnh TH, anh T khai báo không đăng ký sử dụng số điện thoại 0865961595; không đăng ký hộ cho ai; không quen biết Đ và H; không bán ma túy cho Đ, nên không có căn cứ xử lý. Đối với chiếc xe mô tô Đ và D sử dụng đi mua ma túy, Đ khai mượn của người ở quán thịt chó GL, thôn TP, xã KT, tỉnh TH. Người cho mượn xe không biết Đ sử dụng xe đi mua ma túy, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thành Đ, Bùi Đông D, Bùi Văn T Phạm Thúc H và Phạm Thái S phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

* Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đối với bị cáo Bùi Thành Đ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thành Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2025.

* Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đối với bị cáo Bùi Văn T.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2025.

* Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đối với các bị cáo Bùi Đông D, Phạm Thúc H và Phạm Thái S.

- Xử phạt bị cáo Bùi Đông D 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2025.

- Xử phạt Phạm Thúc H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2025.

- Xử phạt Phạm Thái S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/8/2025.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa được đục thủng 01 lỗ và cắm 01 tờ tiền lên trên thân chai nhựa của túi hồ sơ cư trú kí hiệu M1; 03 mẫu giấy bạc được xé nhỏ của phong bì kí hiệu M2. Tất cả được đựng trong 01 túi niêm phong mẫu vật mã số PS2A 073649 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/4/2026 giữa Cơ quan Công an tỉnh TH và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – TH.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 05 (năm) điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/4/2026 giữa Cơ quan Công an tỉnh TH và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – TH.

* Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Bùi Thành Đ, Bùi Đông D, Bùi Văn T, Phạm Thúc H và Phạm Thái S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh TH;
- CQCSĐTCA tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- Thi hành án dân sự tỉnh TH;
- CQTHAHS Công an tỉnh TH;
- Phòng PC04 – Công an tỉnh TH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Hành chính tư pháp.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

